

DIỄN BIẾN SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT NAM HỌC SINH 06 – 10 TUỔI TẠI THÀNH PHỐ LONG XUYÊN – TỈNH AN GIANG

Đào Chánh Thức

Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu thường qui trong lĩnh vực giáo dục thể chất tập trung làm rõ diễn biến phát triển thể chất nam học sinh 06 – 10 tuổi tại thành phố Long Xuyên - An Giang; thông qua việc tổng hợp và so sánh giá trị trung bình các chỉ số đánh giá thể chất nam học sinh 06 - 10 tuổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy giữa các độ tuổi với nhau và diễn biến phát triển thể chất nam học sinh 06 - 10 tuổi tại thành phố Long Xuyên (TPLX) – tỉnh An Giang qua diễn biến đồ. Kết quả trình bày diễn biến phát triển thể chất nam học sinh 06-10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang diễn ra bình thường đúng theo qui luật phát triển của lứa tuổi.

Từ khóa: Diễn biến thể chất; Nam học sinh 6-10 tuổi; TP. Long Xuyên – Tỉnh An Giang.

Abstract: Research is using conventional research methods in the field of physical education focusing on clarifying the physical development of male students aged 6 - 10 in Long Xuyen city - An Giang, through the synthesis and comparison of the average value of physical indicators of male students aged 6 - 10. Research results show that between ages and physical development of male students aged 6 - 10 in Long Xuyen city - An Giang province through the graph. The results show that the physical development of male students aged 6-10 in Long Xuyen city - An Giang takes place normally in accordance with the laws of age development.

Keywords: Evolution; male students aged 6 – 10; Long Xuyen city - An Giang province

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển thể chất là một yếu tố động, diễn biến rất phức tạp, bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố: di truyền, môi trường, nội tiết, bệnh tật và thể tục [3]. Ở các nước phát triển, đời sống tương đối ổn định, việc điều tra thể chất là việc làm thường xuyên theo chu kỳ 5 – 10 năm/lần. Ở Việt Nam thì việc

làm này cần thường xuyên hơn, bởi vì: sau ngày thống nhất đất nước, mặc dù chỉ hơn 2 thập kỷ nhưng đời sống kinh tế, môi trường giáo dục ... liên tục thay đổi và đặc biệt trong những năm gần đây, tốc độ phát triển về kinh tế xã hội rất mạnh, đời sống của trẻ em đầy đủ hơn, do vậy sự phát triển thể chất cũng sẽ thay đổi nhiều [4].

Học sinh ở các trường phổ thông là lực lượng lao động trong tương lai của đất nước. Lực lượng này đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước. Sự phát triển thể chất của đối tượng này không chỉ là vấn đề nòi giống mà còn là vấn đề chăm lo bồi dưỡng một lực lượng lao động quan trọng trong tương lai [2]. Với những thông tin chính xác về diễn biến phát triển thể chất của đối tượng này vô cùng cần thiết, đây là căn cứ quan trọng định hướng cho học sinh trong việc rèn luyện thể chất. Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu:

“Diễn biến phát triển thể chất nam học sinh 06 – 10 tuổi tại thành phố Long Xuyên – Tỉnh An Giang”.

Phương pháp nghiên cứu: phương pháp tham khảo tài liệu, phương pháp chọn mẫu, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp kiểm tra y học và toán thống kê [5].

Khách thể nghiên cứu: 1052 nam HS Tiểu học (06 – 10 tuổi) tại TP. Long Xuyên - An Giang; trong đó 212 nam HS 06 tuổi, 210 nam HS 07 tuổi, 202 nam HS 08 tuổi, 222 nam HS 09 tuổi và 206 nam HS 10 tuổi. Được chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên ở các lớp học khác nhau tại TPLX để thực hiện trong nghiên cứu, đồng thời thể hiện được tính khách quan cho nghiên cứu này.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Để đánh giá diễn biến phát triển thể chất của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang, nghiên cứu này được tiến hành theo 3 bước:

Bước 1: So sánh giá trị trung bình các chỉ số đánh giá thể chất của nam 6-10 tuổi tại thành phố Long Xuyên - An Giang giữa các độ tuổi với nhau qua phương pháp phân tích phương sai một yếu tố (one-way ANOVA).

Bước 2: Đánh giá diễn biến phát triển thể chất nam học sinh 6-10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang giữa các độ tuổi qua diễn biến đồ.

Bước 3: So sánh một số tiêu chí thể lực của học sinh nam 6-10 tuổi TPLX với tiêu chuẩn thể lực của nam HSSV 6-10 tuổi người Việt Nam theo QĐ 53/Bộ GD&ĐT 2008 [1].

Diễn biến đồ được xây dựng trên độ chênh lệch tương đối (d). Độ chênh lệch tương đối (%) là tỷ số giữa hiệu số giữa giá trị trung bình của các chỉ số đánh giá thể chất của nam học sinh 6-10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang giữa các độ tuổi với giá trị trung bình của các chỉ số đánh giá thể chất của tuổi đầu cấp 06 tuổi theo công thức:

$$d = \frac{\overline{X} - \overline{X_{6,1115}}}{\overline{X_{6,1115}}}$$

Kết quả so sánh các chỉ số đánh giá thể chất của nam học sinh tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang giữa các tuổi với nhau qua phương pháp phân tích phương sai một yếu tố (one-way ANOVA) được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả so sánh giá trị trung bình các chỉ số đánh giá thể chất của nam học sinh 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên theo các độ tuổi

TT	Chỉ số	F	Sig	Post - hoc (Scheffe)
1	Chiều cao đứng (cm)	377.11	.000	$\mu 1 < \mu 2 < \mu 3 < \mu 4 < \mu 5$
2	Cân nặng (kg)	183.38	.000	$\mu 1 < \mu 2 < \mu 3 < \mu 4 < \mu 5$
3	Chỉ số BMI	22.06	.000	$\mu 1 \approx \mu 2, \mu 4 \approx \mu 3, \mu 1 < \mu 4$ $\mu 2 < \mu 4 < \mu 5, \mu 1 < \mu 3 < \mu 5$ $\mu 2 < \mu 3$
4	Công năng tim	5.47	.001	$\mu 1 \approx \mu 2 \approx \mu 3 \approx \mu 4$ $\mu 5 < \mu 1, \mu 5 < \mu 2, \mu 5 < \mu 3, \mu 5 < \mu 4$
5	Chạy 30m xuất phát cao (giây)	70.91	.000	$\mu 1 < \mu 2 < \mu 3 < \mu 5, \mu 4 \approx \mu 3$ $\mu 1 < \mu 2 < \mu 4 < \mu 5$
6	Bật xa tại chỗ (cm)	299.51	.003	$\mu 1 < \mu 2 < \mu 3 < \mu 4 < \mu 5$
7	Đeo gập thân (cm)	3.75	.002	$\mu 1 \approx \mu 2 \approx \mu 3 \approx \mu 5$ $\mu 4 < \mu 1, \mu 4 < \mu 2, \mu 4 < \mu 3, \mu 4 < \mu 5$
8	Lực bóp tay thuận (kg)	75.55	.000	$\mu 4 \approx \mu 5, \mu 1 < \mu 2 < \mu 3 < \mu 4$ $\mu 1 < \mu 2 < \mu 3 < \mu 5$
9	Nằm ngửa gập bụng trong 30” (lần)	60.88	.000	$\mu 1 < \mu 2 < \mu 3 < \mu 4 < \mu 5$
10	Chạy con thoi (giây)	144.81	.005	$\mu 1 < \mu 2 < \mu 4 < \mu 5, \mu 4 \approx \mu 3$ $\mu 1 < \mu 2 < \mu 3 < \mu 5$
11	Chạy 5 phút tùy sức (m)	95.32	.000	$\mu 1 < \mu 2 < \mu 4 < \mu 5, \mu 2 \approx \mu 3$ $\mu 1 < \mu 3 < \mu 4 < \mu 5$

$\mu 1$: 06 tuổi; $\mu 2$: 07 tuổi; $\mu 3$: 08 tuổi; $\mu 4$: 09 tuổi, $\mu 5$: 10 tuổi

Số liệu tại bảng 1 cho thấy;

Chiều cao đứng trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang có sự khác biệt giữa tất cả các độ tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.001$); trong đó chiều cao của độ tuổi 10 cao nhất kế đến lần lượt chiều cao độ tuổi 9 tuổi, 8 tuổi, 7 tuổi và 6 tuổi.

Cân nặng trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang có sự khác biệt giữa tất cả các độ tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.001$); trong đó cân nặng của độ tuổi 10 cao nhất kế đến lần lượt cân nặng độ tuổi 9 tuổi, 8 tuổi, 7 tuổi và 6 tuổi.

Chỉ số BMI trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An

Giang không có sự khác biệt giữa độ tuổi 9 với 10 và độ tuổi 6 với 7 ($\text{sig} > 0.05$); ngoài ra giữa các độ tuổi còn lại đều sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.001$), trong đó chỉ số BMI của độ tuổi 9, 10 cao hơn độ tuổi 6, 7 tuổi.

Chỉ số công năng tim trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang không có sự khác biệt giữa độ tuổi 6, 7, 8 với 9 ($\text{sig} > 0.05$); ngoài ra giữa các độ tuổi còn lại đều sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.001$), trong đó chỉ số công năng tim của độ tuổi 10 thấp hơn các độ tuổi 6, 7, 8 và 9.

Chạy 30m xuất phát cao trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang không có sự khác biệt giữa độ tuổi 8 với 9 ($\text{sig} > 0.05$); ngoài ra giữa các

độ tuổi còn lại đều sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.001$), trong đó chạy 30m xuất phát cao của độ tuổi 10 cao hơn các độ tuổi 6, 7, 8 và 9, độ tuổi 8, 9 cao hơn độ tuổi 6, 7 và độ tuổi 7 cao hơn độ tuổi 6.

Bật xa tại chỗ trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang có sự khác biệt giữa tất cả các độ tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.003$); trong đó bật xa tại chỗ của độ tuổi 10 cao nhất kế đến lần lượt bật xa độ tuổi 9 tuổi, 8 tuổi, 7 tuổi và 6 tuổi.

Đeo gập thân trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang không có sự khác biệt giữa độ tuổi 6, 7, 8 với 10 ($\text{sig} > 0.05$); ngoài ra giữa các độ tuổi còn lại đều sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.002$), trong đó đeo gập thân của độ tuổi 9 thấp hơn các độ tuổi 6, 7, 8 và 10.

Lực bóp tay thuận trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang không có sự khác biệt giữa độ tuổi 9 với 10 ($\text{sig} > 0.05$); ngoài ra giữa các độ tuổi còn lại đều sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.001$), trong đó lực bóp tay thuận của độ tuổi 9, 10 cao hơn các độ tuổi 6, 7, 8, độ tuổi 8 cao hơn độ tuổi 7 và độ tuổi 7 cao hơn độ tuổi 6.

Nằm ngửa gập bụng trong 30 giây trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang có sự khác biệt giữa tất cả các độ tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.001$); trong đó nằm ngửa gập bụng của độ tuổi 10 cao nhất kế đến lần lượt nằm ngửa gập bụng độ tuổi 9 tuổi, 8 tuổi, 7 tuổi và 6 tuổi

Chạy con thoi 4 x 10m trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP.

Long Xuyên - An Giang không có sự khác biệt giữa độ tuổi 8 với 9 ($\text{sig} > 0.05$); ngoài ra giữa các độ tuổi còn lại đều sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.005$), trong đó chạy con thoi 4 x 10m của độ tuổi 10 cao hơn các độ tuổi 6, 7, 8 và 9, độ tuổi 8, 9 cao hơn độ tuổi 6, 7 và độ tuổi 7 cao hơn độ tuổi 6.

Chạy 5 phút tùy sức trung bình của nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang không có sự khác biệt giữa độ tuổi 7 với 8 ($\text{sig} > 0.05$); ngoài ra giữa các độ tuổi còn lại đều sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{sig} < 0.001$), trong đó chạy 5 phút tùy sức của độ tuổi 10 cao hơn các độ tuổi 6, 7, 8 và 9, độ tuổi 9 cao hơn độ tuổi 6, 7, 8 và độ tuổi 7, 8 cao hơn độ tuổi 6.

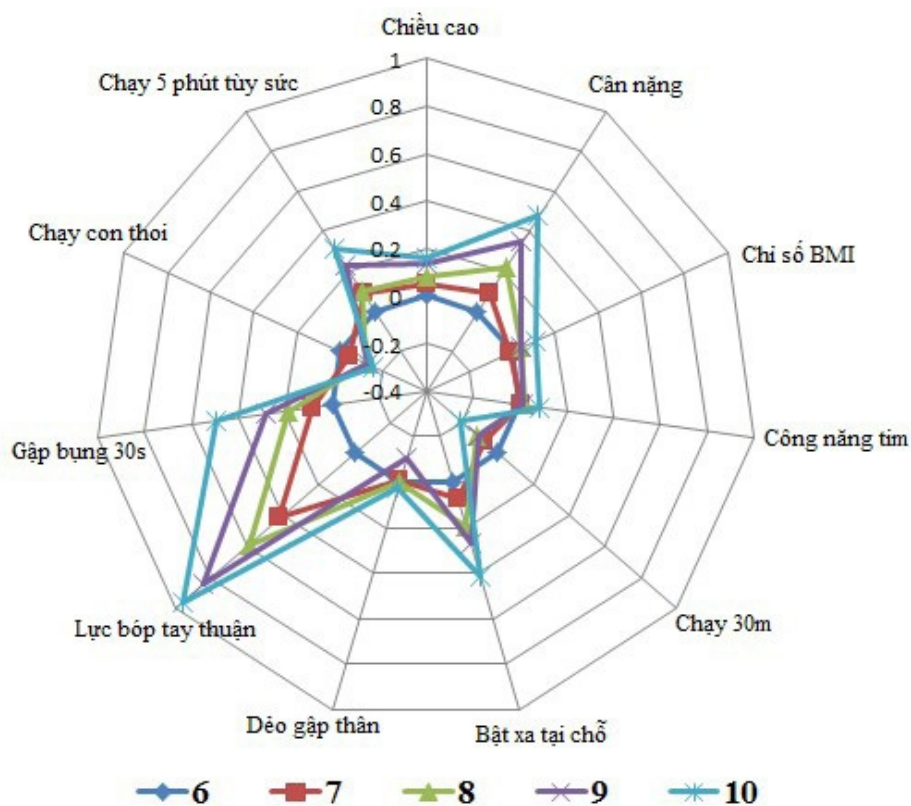
Qua phân tích trên cho thấy, giữa các độ tuổi từ 06 lên 07, từ 07 lên 08, từ 08 lên 09 và từ 09 lên 10 sự tăng trưởng tự nhiên theo độ tuổi hầu hết tất cả các chỉ số đánh giá thể chất. Bên cạnh đó còn một vài chỉ số giữa các độ tuổi có sự hơn, kém nhau không tuân theo sự phát triển của độ tuổi như: chức năng tim mạch (công năng tim) độ tuổi 10, dẻo độ tuổi 9.

Nói cách khác, từ độ tuổi 06 trở đi đến 10 tuổi, sự phát triển thể chất bao gồm hình thái, thể lực và chức năng của nam học sinh Tiểu học 6 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang diễn ra bình thường đúng theo qui luật phát triển của lứa tuổi. Riêng chức năng tim mạch (10 tuổi) và độ dẻo (9 tuổi) không phát triển đúng qui luật theo lứa tuổi.

Để đánh giá diễn biến phát triển thể chất nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang giữa các độ tuổi đề tài tính độ chênh lệch tương đối các chỉ số đánh giá thể chất nam học sinh Tiểu học 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang được trình bày tại bảng 2 và biểu đồ 1.

Bảng 2. Độ chênh lệch tương đối các chỉ số đánh giá thể chất nam học sinh 06 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang

TT	Chỉ số	$\overline{X}_6$	$\overline{X}_7$	$\overline{X}_8$	$\overline{X}_9$	$\overline{X}_{10}$	d_7	d_8	d_9	d_{10}
1	Chiều cao đứng (cm)	119.26	125.3	129.45	135.45	138.03	0.05	0.09	0.14	0.16
2	Cân nặng (kg)	24.36	26.61	29.81	32.80	36.00	0.09	0.22	0.35	0.48
3	Chỉ số BMI	17.01	16.88	17.68	17.79	18.83	-0.01	0.04	0.05	0.11
4	Công năng tim	10.98	11.03	11.18	11.13	11.92	0.00	0.02	0.01	0.09
5	Chạy 30m xuất phát cao (giây)	7.73	7.13	6.85	6.87	6.10	-0.08	-0.11	-0.11	-0.21
6	Bật xa tại chỗ (cm)	109.32	117.46	131.01	138.34	154.94	0.07	0.20	0.27	0.42
7	Dẻo gập thân (cm)	5.42	5.38	5.43	4.84	5.56	-0.01	0.00	-0.11	0.03
8	Lực bóp tay thuận (kg)	4.88	6.92	7.76	9.02	9.56	0.42	0.59	0.84	0.96
9	Nằm ngửa gập bụng trong 30" (lần)	8.48	9.21	10.09	10.84	12.7	0.09	0.19	0.28	0.50
10	Chạy con thoi (giây)	14.88	14.28	13.04	12.96	12.52	-0.04	-0.12	-0.13	-0.16
11	Chạy 5 phút tùy sức (m)	553.94	602.56	606.17	681.59	725.43	0.09	0.09	0.23	0.31



Biểu đồ 1. Diễn biến phát triển thể chất nam học sinh 06 - 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang

Kết quả bảng 2 và quan sát biểu đồ 1 (diễn biến đồ phát triển thể chất), nếu lấy các chỉ số đánh giá thể chất của tuổi 06 làm chuẩn để so sánh thì ta sẽ thấy tất cả các chỉ số đánh giá thể chất của cả 05 độ tuổi 6, 7, 8, 9 và 10 khác biệt nhau từ 0.01% đến 0.94%. Trong đó “diện tích” độ tuổi 10 lớn nhất, kế đến là “diện tích” độ tuổi 9, độ tuổi 8, độ tuổi 7 và độ tuổi 6. Kết quả trên một lần nữa cho thấy sự phát triển thể chất của nam học sinh 6 – 10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang phát triển đúng theo sự phát triển của lứa tuổi.

Số liệu trên cho thấy hầu hết tất cả các chỉ số đánh giá thể chất (hình thái, thể lực, chức năng) của nam học sinh 6 – 10 tuổi có xu hướng phát triển tỷ lệ thuận với lứa tuổi, nghĩa là tuổi càng cao có xu hướng tốt hơn tuổi nhỏ. Ngược lại chức năng tim mạch (10 tuổi) và độ dẻo (9 tuổi) có xu hướng phát triển tỷ lệ nghịch với lứa tuổi. Ở đây đề tài chỉ nhận xét là có xu hướng vì một số chỉ số có sự chênh lệch, nhưng sự chênh lệch này không có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig} > 0.05$).

Bảng 3: So sánh giá trị trung bình các chỉ tiêu thể lực của nam học sinh 6-10 tuổi giữa TLXL và tiêu chuẩn thể lực HSSV Việt Nam

Tiêu chí	6 tuổi		7 tuổi		8 tuổi		9 tuổi		10 tuổi	
	$\overline{X_{VN}}$	$\overline{X_{LX}}$	$\overline{X_{VN}}$	$\overline{X_{LX}}$	$\overline{X_{VN}}$	$\overline{X_{LX}}$	$\overline{X_{VN}}$	$\overline{X_{LX}}$	$\overline{X_{VN}}$	$\overline{X_{LX}}$
Chạy 30m xuất phát cao (giây)	7.5	7.73	7.3	7.13	7	6.85	6.7	6.87	6.6	6.1
Bật xa tại chỗ (cm)	100	109.32	116	117.46	127	131.01	137	138.34	148	154.94
Lực bóp tay thuận (kg)	9.2	4.88	10.9	6.92	12.4	7.76	14.2	9.02	15.9	9.56
Nằm ngửa gập bụng trong 30" (lần)	4	8.48	5	9.21	6	10.09	7	10.84	8	12.7
Chạy con thoi (giây)	14.3	14.88	14.2	14.28	14.1	13.04	14	12.96	13.9	12.52
Chạy 5 phút tùy sức (m)	650	553.94	670	602.56	700	606.17	750	681.59	790	725.43

Qua kết quả so sánh giá trị trung bình các chỉ tiêu thể lực của học sinh nam 6-10 tuổi TPLX và tiêu chuẩn thể lực của HSSV người Việt Nam trình bày tại bảng 3, cho thấy diễn biến thể lực của nam học sinh 6-10 tuổi TPLX phát triển phù hợp, tương đồng với tiêu chuẩn thể lực của HSSV Việt Nam

6-10 tuổi ở mức “Đạt” [1] ở các test “Chạy 30m XPC; Bật xa tại chỗ; Chạy con thoi”, riêng test “Nằm ngửa gập bụng” của học sinh nam TPLX tốt vượt trội hơn tiêu chuẩn HSSV Việt Nam, và 2 test “chạy tùy sức 5 phút; lực bóp tay thuận” có phần kém hơn tiêu chuẩn HSSV Việt Nam.

KẾT LUẬN

Diễn biến phát triển thể chất nam học sinh 6-10 tuổi tại TP. Long Xuyên - An Giang, sự phát triển thể chất bao gồm hình thái, thể lực và chức năng diễn ra bình thường đúng theo qui luật phát triển của lứa tuổi. Riêng chức năng tim mạch (10 tuổi) và độ dẻo (9 tuổi) không phát triển đúng qui luật theo lứa tuổi. Tất cả các chỉ số đánh giá thể chất của cả 05 độ tuổi 6, 7, 8, 9 và 10 khác biệt nhau từ 0.01% đến 0.94%. Trong đó “diện tích” độ tuổi 10 lớn

nhất, kế đến là “diện tích” độ tuổi 9, độ tuổi 8, độ tuổi 7 và độ tuổi 6. Đối với các test về thể lực của học sinh 6-10 tuổi TPLX có 3 test tương đồng với tiêu chuẩn thể lực của HSSV Việt Nam 6-10 tuổi, riêng test “Nằm ngửa gập bụng của học sinh nam TPLX tốt vượt trội hơn tiêu chuẩn HSSV Việt Nam, và 2 test “chạy tùy sức 5 phút; lực bóp tay thuận” có phần kém hơn tiêu chuẩn HSSV Việt Nam theo quy định của Bộ GD&ĐT [1].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 về việc ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.
- [2]. Dương Nghiệp Chí và cộng sự (2013), *Thể chất người Việt Nam từ 6 đến 60 tuổi đầu thế kỷ XXI*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Đại Dương và cộng sự (2016), *“Diễn biến phát triển thể chất của học sinh phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12”*, Nxb TDTT Hà Nội.
- [4]. Lê Văn Lãm, Vũ Đức Thu (2000), *Thực trạng phát triển thể chất học sinh, SV trước thềm thế kỷ 21*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [5]. Huỳnh Trọng Khải và cộng sự (2011), *“Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, trên cơ sở đánh giá thể lực, hình thái và chức năng của học sinh phổ thông từ 06 đến 14 tuổi, ở TP. Hồ Chí Minh – Việt nam”*, Đề tài Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM – Việt Nam.

Bài nộp ngày 08/12/2021, phản biện ngày 07/3/2022, duyệt in ngày 15/3/2022